TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 5 - 2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Kim Lên

Bà: Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thúy H**, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông **Dương Minh H1,** sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị H2 trình bày tại đơn khởi kiện 30/01/2023:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy H và ông Dương Minh H1 chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân thời gian dài. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Minh H1.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung, Dương Thắm D, sinh năm 1998; nay trưởng thành có gia đình riêng, không yêu cầu tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Minh H1 trình bày: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ hòa giải và xét xử, qua thủ tục niêm yết nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời trình bài của ông H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H2 và ông Dương Minh H1 có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 277, 288, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị H2 khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Dương Minh H1 tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà H2 là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà H3 là nguyên đơn, ông H1 là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H2 và ông Dương Minh H1 kết hôn năm 1997, hôn nhân tự nguyện không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Nay bà H2 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông H1 do bà H2 và ông H1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, nên hôn nhân giữa bà H2 và ông H1 là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà H2 yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân Tòa án không công nhận bà H2 và ông H1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có con chung nhưng đã trưởng thành, nên hội đồng xét xứ không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H2 xác định không có tài sản. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà H2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H2 và ông Dương Minh H1 là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H2 phải chịu án phí 300.000 đồng, ngày 30/01/2023 bà H2 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006070 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND Lợi An, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Thủy